Bản tin Phân tích kỹ thuật

06/08/2026

Vietcap

Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30

Nguồn: Vietcap

Nhận định:

- 41l1G8000 đóng cửa với tín hiệu giảm và đang có khuynh hướng kiểm định lại vùng 1.885 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.898 điểm, mục tiêu là vùng 1.885 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên mốc 1.905 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.898 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.885 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.905 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tiêu cực
VN30	Trung tính	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính

Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 211 mã giảm so với 107 mã tăng. Tuy nhiên, thanh khoản sụt giảm cho thấy áp lực bán dù chi phối nhưng chưa ở mức cao. Cụ thể, lực cung đã bắt đầu được tiết chế tại Ngân hàng, Chứng khoán, Vật liệu, Bất động sản, Tiêu dùng và Dầu khí. Ở chiều ngược lại, lực cầu chưa ghi nhận tín hiệu nổi bật quanh vùng giá thấp trong phiên.

- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đang chịu áp lực điều chỉnh sau khi tiếp cận khu vực 1.770–1.800 điểm, tương ứng mục tiêu ngắn hạn của nhịp tăng đã đề cập trước đó. Theo đó, chỉ số có thể thoái lui về vùng hỗ trợ gần 1.745–1.750 điểm trong các phiên tới.

- Đánh giá rủi ro, hai phiên điều chỉnh gần đây diễn ra trên nền thanh khoản giảm dần, cho thấy áp lực bán đang được tiết chế. Chúng tôi cho rằng nhịp giảm hiện tại chủ yếu đến từ sự thận trọng của lực mua tại vùng giá cao 1.770–1.800 điểm, thay vì áp lực bán chủ động. Do đó, nhịp điều chỉnh này mang tính chất củng cố cho giai đoạn tăng tiếp theo. Kịch bản VN-Index tăng trở lại sau khi kiểm định vùng 1.750 điểm hiện có xác suất cao hơn kịch bản vi phạm mốc này.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,100	75,000	2.8%	72,000	85,000	75,000	
VIC	31/07/2026		Đang mở	218,800	215,000	1.8%	204,000	247,000		
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,700	13,450	1.9%	12,600	15,300		
STB	06/08/2026		Đang mở	72,200	72,800	-0.8%	71,000	81,000		

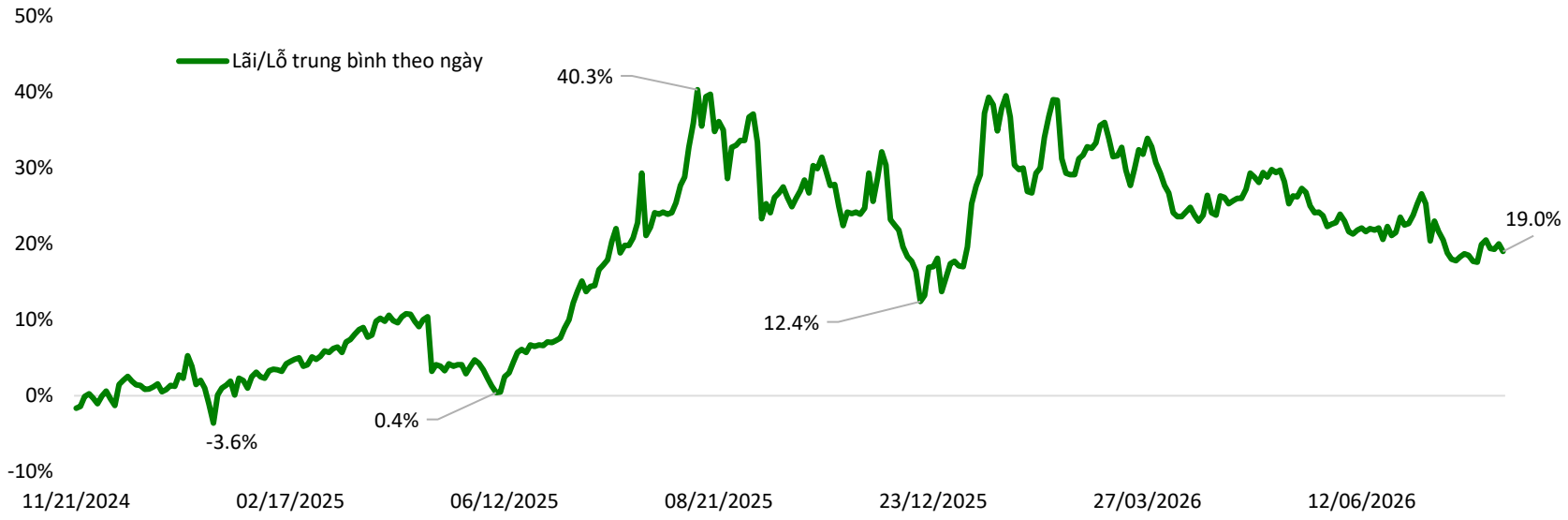

Vietcap

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	218,800	-0.55%	-0.55%	1,698,366	-2.102	2,920	10.0	74.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	77,100	0.78%	4.26%	633,363	1.127	9,718	2.4	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	31,350	-1.57%	2.96%	243,494	-0.867	5,172	1.2	6.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	23,900	-1.65%	6.22%	192,514	-0.719	3,734	1.3	6.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
TCB	29,200	-1.52%	-0.34%	206,918	-0.712	3,829	1.2	7.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	52,000	-1.89%	-1.14%	155,339	-0.665	3,780	3.6	13.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	25,150	-1.37%	0.60%	199,538	-0.621	3,758	1.1	6.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HVN	23,950	-3.62%	9.86%	74,520	-0.612	1,574	7.9	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	59,000	-0.51%	4.42%	492,985	-0.566	4,984	2.0	11.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
STB	72,200	-1.37%	0.84%	136,113	-0.422	1,634	2.2	44.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACB	22,150	-1.34%	-0.89%	128,568	-0.390	2,701	1.3	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GAS	69,800	-0.99%	1.60%	168,424	-0.379	5,265	2.5	13.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	71,200	-1.39%	2.01%	105,075	-0.330	6,667	2.9	10.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	21,850	-0.68%	0.23%	184,479	-0.285	2,750	1.3	8.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	67,900	-2.86%	1.49%	43,490	-0.282	5,561	5.4	12.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	11,200	-3.45%	-3.45%	32,756	-1.859	155	2.3	72.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	161,000	1.19%	30.15%	61,985	1.219	396	12.2	407.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSV	123,900	1.47%	21.83%	37,170	0.902	11,736	5.6	10.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	13,600	-2.86%	-8.11%	14,529	-0.683	476	1.3	28.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	16,000	6.67%	6.67%	5,600	0.615	1,408	1.1	11.4	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
DNP	20,900	9.42%	-0.48%	2,946	0.457	1,567	1.2	13.3	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
SHS	15,700	-1.88%	0.64%	14,122	-0.436	1,119	1.1	14.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TET	50,000	7.53%	7.53%	3,110	0.385	638	26.9	78.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	82,100	-0.24%	4.99%	73,873	-0.296	17,023	3.5	4.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIT	23,000	-8.00%	-12.88%	1,836	-0.242	1,599	2.1	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	83,800	-1.87%	6.35%	256,039	-0.804	4,019	6.8	20.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
RGG	45,000	33.53%	33.53%	9,900	0.556	297	4.1	151.7	Tích cực			
DNH	44,700	14.91%	51.53%	18,881	0.472	2,782	3.4	16.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VNZ	669,900	12.72%	39.56%	19,650	0.419	15,830	21.4	41.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	40,900	10.54%	5.14%	18,037	0.319	598	4.0	63.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	54,000	1.89%	3.85%	63,724	0.202	2,296	4.1	23.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
F88	67,000	-6.69%	-7.46%	15,067	-0.169	4,583	5.0	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	38,300	-2.30%	5.51%	42,387	-0.163	2,209	3.0	17.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SJG	22,000	10.00%	17.65%	8,753	0.147	4,231	1.0	4.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	64,500	-1.53%	0.00%	47,805	-0.122	4,936	3.7	13.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VNZ	669,900	12.7%	10.9	2.8	309,000	594,300	21.4	41.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	41,700	2.5%	20.6	6.8	29,808	40,800	2.0	11.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HII	8,850	2.1%	14.5	2.7	4,330	8,783	0.6	2.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HUT	13,600	-2.9%	21.8	28.8	14,000	20,500	1.3	28.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	161,000	1.2%	10.9	2.2	25,400	212,500	12.2	407.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOC	74,400	3.3%	12.6	2.3	60,900	75,200	1.6	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIW	26,400	8.2%	13.0	4.9	8,200	61,000	2.4	48.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

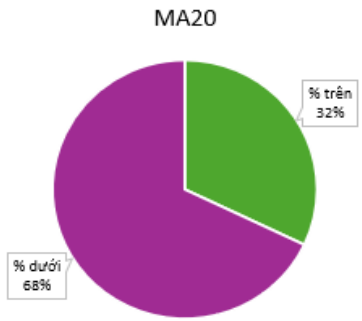

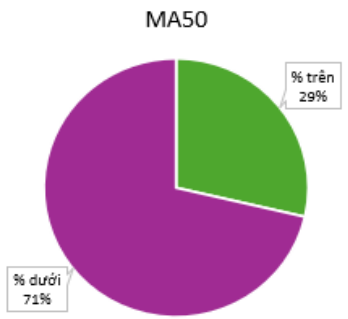

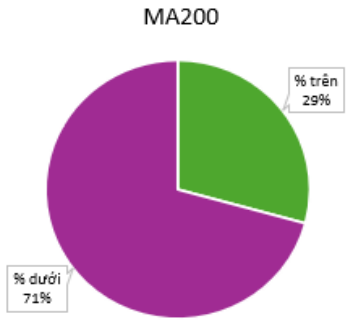

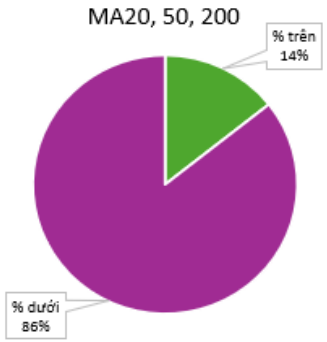

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			06/08/2026	05/08/2026	04/08/2026	03/08/2026	31/07/2026	30/07/2026	29/07/2026	28/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	21%	22%	20%	21%	19%	18%
		Dưới	78%	78%	79%	78%	80%	79%	81%	82%
	MA50	Trên	26%	29%	29%	28%	23%	25%	20%	18%
		Dưới	74%	71%	71%	72%	77%	75%	80%	82%
	MA20	Trên	38%	41%	39%	35%	27%	27%	16%	15%
		Dưới	62%	59%	61%	65%	73%	73%	84%	85%
VN30	MA200	Trên	30%	33%	33%	30%	23%	23%	23%	20%
		Dưới	70%	67%	67%	70%	77%	77%	77%	80%
	MA50	Trên	30%	27%	40%	40%	20%	20%	20%	20%
		Dưới	70%	73%	60%	60%	80%	80%	80%	80%
	MA20	Trên	50%	67%	70%	57%	17%	17%	7%	10%
		Dưới	50%	33%	30%	43%	83%	83%	93%	90%
HNX	MA200	Trên	27%	26%	27%	28%	27%	27%	25%	25%
		Dưới	73%	74%	73%	72%	73%	73%	75%	75%
	MA50	Trên	26%	26%	27%	26%	26%	23%	20%	20%
		Dưới	74%	74%	73%	74%	74%	77%	80%	80%
	MA20	Trên	27%	26%	27%	28%	27%	27%	25%	25%
		Dưới	73%	74%	73%	72%	73%	73%	75%	75%
UPCOM	MA200	Trên	31%	31%	30%	30%	28%	27%	26%	25%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	72%	73%	74%	75%
	MA50	Trên	31%	31%	31%	32%	31%	31%	30%	29%
		Dưới	69%	69%	69%	68%	69%	69%	70%	71%
	MA20	Trên	34%	33%	33%	34%	32%	33%	32%	32%
		Dưới	66%	67%	67%	66%	68%	67%	68%	68%

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 8												Tháng 7							
		06 ↓	05	04	03	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10
!	1 Tài nguyên Cơ bản	64	62	61	58	54	51	48	45	45	41	41	41	36	38	39	34	36	34	44	47
	2 Bán lẻ	60	61	56	50	42	35	29	24	24	28	27	25	27	30	31	35	39	38	37	43
	3 Ô tô và phụ tùng	60	60	57	57	56	54	54	52	51	51	50	50	50	48	49	48	48	47	47	48
	4 Điện, nước & xăng d...	50	50	52	49	37	36	36	36	36	37	37	38	39	44	48	39	39	39	38	41
	5 Ngân hàng	44	47	46	40	35	33	32	32	33	34	36	38	41	44	46	45	46	48	51	56
	6 Công nghệ Thông tin	44	46	42	30	23	20	18	17	16	17	17	16	20	24	21	22	27	30	33	36
!	7 Thực phẩm và đồ uố...	42	45	47	44	42	41	36	33	31	31	34	36	36	39	41	40	41	42	42	45
	8 Du lịch và Giải trí	41	38	37	30	26	24	22	22	23	25	26	28	31	33	39	39	42	48	49	51
	9 Xây dựng và Vật liệu	37	39	39	33	31	28	27	28	27	27	26	25	27	29	34	34	37	36	36	37
	10 Hàng & Dịch vụ Côn...	36	36	35	32	29	29	24	22	23	24	25	26	25	30	33	34	36	37	35	37
	11 Hóa chất	34	36	36	31	30	28	24	24	24	23	23	24	25	29	32	32	33	32	32	38
	12 Bất động sản	33	34	32	29	27	26	22	20	21	21	20	21	22	24	27	26	27	28	28	29
	13 Dịch vụ tài chính	33	37	35	31	34	30	28	25	30	35	35	34	36	40	45	44	48	50	53	61
	14 Dầu khí	31	31	33	30	31	30	29	28	31	25	23	23	32	37	46	49	53	43	32	32
!	15 Hàng cá nhân & Gia ...	25	26	28	27	23	21	17	16	16	17	16	15	15	16	20	22	22	24	23	24

Vietcap

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	218,800	-0.5%	-0.5%	1,698,366	10.0	74.9	2,920	1,055.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	77,100	0.8%	4.3%	633,363	2.4	7.9	9,718	1,336.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	26,550	0.0%	3.3%	132,890	1.6	6.8	3,897	203.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
THD	161,000	1.2%	30.2%	61,985	12.2	407.1	396	10.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSV	123,900	1.5%	21.8%	37,170	5.6	10.6	11,736	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	77,100	1.2%	0.9%	33,376	2.4	12.7	6,059	82.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNZ	669,900	12.7%	39.6%	19,650	21.4	41.8	15,830	10.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	41,700	2.5%	9.7%	13,571	2.0	11.1	3,743	20.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	31,200	-1.0%	5.2%	11,383	2.6	120.3	259	58.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	12,850	0.8%	14.2%	9,625	1.0	4.7	2,750	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ORS	14,200	1.1%	0.0%	8,860	1.1	17.3	822	24.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	34,700	0.1%	5.3%	3,687	1.5	6.7	5,172	7.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	19,600	3.4%	11.0%	1,875	1.9	129.8	151	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	11,950	0.4%	1.3%	1,531	1.0	8.8	1,364	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOC	74,400	3.3%	1.8%	1,363	1.6	7.9	9,350	12.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	10,300	0.0%	-1.0%	1,170	1.0	37.1	278	13.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HII	8,850	2.1%	33.5%	652	0.6	2.8	3,190	14.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	16,150	0.0%	2.5%	50,388	1.1	8.6	1,888	62.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	25,450	-0.4%	-1.0%	34,356	2.4	19.3	1,316	71.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PET	38,900	-2.8%	2.4%	6,020	2.4	19.6	1,989	21.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	67,000	-6.7%	-7.5%	15,067	5.0	14.9	4,583	31.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	13,600	-2.9%	-8.1%	14,529	1.3	28.6	476	21.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	36,100	-1.4%	-0.6%	37,364	1.7	17.5	2,066	19.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,200	-3.4%	-3.4%	32,756	2.3	72.4	155	5.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	11,900	-0.4%	-3.3%	25,690	1.0	5.2	2,274	14.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVD	17,750	-0.8%	-6.1%	16,467	1.0	14.8	1,198	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	12,900	-0.8%	-3.7%	13,318	1.2	21.9	588	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	52,600	-1.7%	-2.8%	11,017	1.2	8.2	6,457	29.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,500	-2.4%	-5.3%	8,431	1.3	7.2	2,861	46.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
C69	16,100	-3.0%	-7.5%	995	1.4	26.9	600	9.3	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	38,900	-0.5%	-1.5%	139,367	1.9	12.5	3,117	13.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SAB	43,700	-1.6%	0.7%	56,048	2.9	11.7	3,723	25.5	Tiêu cực	-5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIB	14,550	-1.7%	-1.4%	49,528	1.0	6.7	2,180	58.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KBC	27,800	-1.6%	-0.9%	26,181	1.1	22.7	1,227	35.2	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	18,300	0.0%	-0.5%	18,317	1.5	10.0	1,828	68.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,000	-0.6%	-2.3%	17,388	1.1	8.3	4,107	54.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	21,500	-1.4%	-2.1%	14,618	1.3	8.2	2,608	48.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVB	12,450	-0.4%	0.4%	7,978	1.0	10.2	1,216	9.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	35,000	1.4%	-2.1%	7,577	3.2	282.5	124	8.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NT2	21,100	-0.7%	0.2%	6,074	1.1	4.5	4,690	9.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,450	-0.24%	-3.98%	25,500	201.1%	(337)	0.8	-25.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	17,800	-1.93%	1.71%	42,600	134.7%	1,565	1.1	11.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	21,800	0.23%	1.16%	45,800	110.6%	1,407	0.9	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,700	-1.68%	0.86%	21,400	79.8%	2,909	0.9	4.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVS	34,000	-0.58%	-2.30%	60,000	75.4%	4,107	1.1	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	37,600	-1.44%	-0.40%	66,800	75.1%	3,173	2.0	11.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	13,500	0.37%	0.75%	23,100	71.7%	1,983	0.7	6.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	16,550	-1.49%	0.30%	28,700	70.8%	1,803	1.0	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	17,850	-2.46%	-1.65%	30,800	68.3%	2,711	1.0	6.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	24,650	-0.20%	11.54%	40,500	64.0%	1,048	1.6	23.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	19,400	-0.51%	0.52%	31,900	63.6%	1,738	1.1	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	30,850	-1.12%	-1.28%	51,000	63.5%	4,945	1.4	6.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	21,850	-0.68%	0.23%	35,400	60.9%	2,750	1.3	8.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	29,700	-2.94%	5.69%	48,900	59.8%	3,441	1.2	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	32,700	-0.91%	0.62%	52,700	59.7%	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	10,950	1.39%	3.30%	17,000	57.4%	157	1.0	69.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CTG	31,350	-1.57%	2.96%	50,000	57.0%	5,172	1.2	6.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	34,500	2.99%	3.29%	52,000	55.2%	5,856	1.0	5.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DXS	5,880	0.86%	-0.84%	8,800	50.9%	402	0.5	14.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	66,500	-1.04%	-2.06%	101,200	50.6%	4,636	2.4	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director
+84 28 3914 3588, ext 363
duc.vu@vietcap.com.vn

Research team
+84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research
+84 28 3914 3588, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le
Director, Brokerage & Institutional Sales & Trading
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau
Managing Director
Brokerage
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Vietcap